

Số: 924 /BC-UBND

Tân Biên, ngày 09 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

**Công khai tình hình ước thực hiện ngân sách nhà nước năm 2020
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2020, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

| | |
|---|---------------------------|
| 1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu: | 141.400 triệu đồng |
| - Thu cân đối: | 141.400 triệu đồng |
| 2. Dự toán chi ngân sách địa phương: | 361.681 triệu đồng |
| - Chi đầu tư phát triển: | 36.970 triệu đồng |
| - Chi thường xuyên: | 316.710 triệu đồng |
| - Quỹ dự phòng | 6.910 triệu đồng |
| - Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: | 1.091 triệu đồng |

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 10 tháng năm 2020 là 144.088/141.400 triệu đồng, đạt 101,90% so với dự toán, tăng 1,98% so với cùng kỳ; ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2020 là 39.644 triệu đồng; lũy kế ước thực hiện năm 2020 là 182.000 triệu đồng, đạt 128,71% so với dự toán, tăng 11,51% so với cùng kỳ.

a. Phân theo khoản thu, sắc thuế:

- **Có 6/9 khoản ước thu vượt dự toán năm 2020:** Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước ước đạt 1.400,00% (7.000/500 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất ước đạt 324,67% (48.700/15.000 triệu đồng); Thu từ quỹ đất, hoa lợi tại xã ước đạt 133,33% (200/150 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 120,00% (120/100 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp ước đạt 108,30%

(79.600/73.500 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng ước đạt 73.000/66.650 triệu đồng, đạt 109,53% so với dự toán); Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 103,29% (22.000/21.300 triệu đồng).

Có 3/9 khoản ước thu không đạt dự toán năm 2020: Thu khác ngân sách ước đạt 93,14% (9.780/10.500) triệu đồng; Thu phí, lệ phí, phí môn bài ước đạt 88,31% (3.400/3.850 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ đạt 60,61% (10.000/16.500 triệu đồng).

b. Thu ngân sách phân theo đơn vị:

- Khối huyện:

Có 3/4 đơn vị ước thu vượt dự toán: Phòng Tài nguyên – Môi trường ước thu đạt 359,35% (55.700/15.500 triệu đồng); Phòng Tài chính – Kế hoạch ước thu đạt 104,30% (1.929/1.850 triệu đồng); Chi cục Thuế ước thu đạt 100,52% (101.631/101.100 triệu đồng).

Có 1/4 đơn vị ước thu không đạt tiến độ: Công an huyện ước thu đạt 80,00% (4.000/5.000 triệu đồng);

- Khối xã:

+ Có 08/10 xã, thị trấn ước thu vượt tiến độ dự toán năm 2020: xã Hòa Hiệp ước thu đạt 130,58% (1.602/1.227 triệu đồng); xã Thạnh Bắc ước thu đạt 129,01% (627/486 triệu đồng); xã Thạnh Bình ước thu đạt 121,96% (2.327/1.908 triệu đồng); xã Tân Phong ước thu đạt 108,44% (1.826/1.684 triệu đồng); xã Mỹ Công ước thu đạt 107,60% (1.917/1.782 triệu đồng); xã Trà Vong ước thu đạt 104,85% (1.346/1.284 triệu đồng); xã Tân Lập ước thu đạt 104,85% (1.941/1.851 triệu đồng); Thị trấn ước thu đạt 100,33% (5.445/5.427 triệu đồng).

+ Có 02/10 xã, thị trấn ước thu không đạt dự toán năm 2020: xã Thạnh Tây ước thu đạt 97,28% (1.668/1.715 triệu đồng); xã Tân Bình ước thu đạt 96,32% (564/586 triệu đồng).

2. Số thu từ DN, HTX do tỉnh quản lý thu điều tiết cho huyện: thực hiện 10 tháng đầu năm 2020 là 35.408/63.000 triệu đồng, đạt 56,20% kế hoạch, ước thực hiện năm 2020 37.800/63.000 triệu đồng, đạt 60,00% kế hoạch.

3. Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: là 271.774 triệu đồng.

Trong đó:

| | |
|--|--------------------------|
| - Thu bổ sung cân đối trong kế hoạch 2020: | 145.010 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu trong kế hoạch 2020: | 15.700 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch: | 81.064 triệu đồng. |
| . <i>Bổ sung chi thường xuyên</i> | <i>29.315 triệu đồng</i> |
| . <i>Bổ sung chi đầu tư XDCB</i> | <i>81.749 triệu đồng</i> |

4. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp 10 tháng năm 2020: (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 146.575/168.011 triệu đồng, đạt 87,24% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ Có 5/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2020 (83%): xã Tân Phong thu đạt 332,77% (7.268/2.184 triệu đồng); Thanh Bắc thu đạt 131,57% (899/683 triệu đồng); xã Thanh Bình thu đạt 124,09% (4.156/3.349 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 90,22% (1.365/1.513 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 83,96% (1.586/1.889 triệu đồng).

- Có 5/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2020 (83%): xã Tân Lập thu đạt 80,69% (2.299/2.849 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 80,24% (969/1.207 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 76,52% (5.241/6.849 triệu đồng); xã Thanh Tây thu đạt 66,23% (1.849/2.792 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 46,87% (3.784/8.074 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 10 tháng đầu năm 2020 là 408.141/400.797 triệu đồng, đạt 101,83% dự toán, tăng 10,74% so với cùng kỳ, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2020 là 176.223 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2020 là 584.366/400.797 triệu đồng, đạt 145,80% dự toán, tăng 14,02% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách:

1.1. Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện 10 tháng là: 311.679 triệu đồng, ước thực hiện 2 tháng cuối năm 2020 là 145.708 triệu đồng, lũy kế ước thực hiện năm 2020 là 457.386 triệu đồng, đạt 157,93% dự toán, tăng 17,60% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 186.671 triệu đồng, đạt 518,96% dự toán, tăng 19,29% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 270.716 triệu đồng, đạt 109,14% dự toán, tăng 16,45% so với cùng kỳ.

1.2 Chi ngân sách cấp xã:

Ước thực hiện chi ngân sách xã, thị trấn năm 2020 là 79.969 triệu đồng, đạt 220,91% dự toán, tăng 7,60% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Ước thực hiện chi bổ sung ngân sách xã trấn năm 2020 là 47.008 triệu đồng, đạt 120,18% so với dự toán, tăng 2,22% so với cùng kỳ.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH:

| | |
|--|---------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách địa phương: | 637.485 triệu đồng |
| - Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết: | 215.800 triệu đồng |
| - Thu bổ sung từ NS cấp trên: | 318.783 triệu đồng |
| <i>Trong đó:</i> | |
| <i>NS tỉnh bổ sung cho NS huyện:</i> | <i>271.744 triệu đồng</i> |
| <i>NS huyện bổ sung cho NS xã:</i> | <i>47.009 triệu đồng</i> |
| - Thu hoàn trả từ ngân sách cấp dưới: | 20 triệu đồng |
| - Thu chuyển nguồn năm 2019 sang: | 83.159 triệu đồng |
| - Thu kết dư ngân sách năm 2019: | 19.723 triệu đồng |
| 2. Tổng chi ngân sách địa phương: | 584.386 triệu đồng |
| - Chi cân đối ngân sách: | 348.598 triệu đồng |
| - Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: | 188.758 triệu đồng |
| - Chi nộp ngân sách cấp trên: | 20 triệu đồng |
| - Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: | 47.009 triệu đồng |
| 3. Kết dư ngân sách địa phương: | 53.099 triệu đồng |
| - Ngân sách cấp huyện: | 38.173 triệu đồng |
| <i>(Trong đó: nguồn cải cách tiền lương:</i> | <i>35.000 triệu đồng)</i> |
| - Ngân sách cấp xã: | 14.926 triệu đồng |
| <i>(Trong đó: nguồn cải cách tiền lương:</i> | <i>10.250 triệu đồng)</i> |

III. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

Tình hình thu NSNN trong những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, giá cả, thời tiết, dịch Covid-19 ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực ngành nghề ăn uống, lưu trú, vận tải, công nghiệp chế biến... Thuế phát sinh theo kê khai của các doanh nghiệp phát sinh thấp, nhất là các doanh nghiệp chế biến bột mì, trong đó Công ty Hồng Cúc 10 tháng đầu năm không phát sinh thuế phải nộp. Hộ kinh doanh ngừng hoạt động trong các tháng 4, 5, 6/2020 tương đối lớn.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện đã kịp thời có giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ giúp doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nhờ có số thuế phát sinh nộp NSNN gần 27 tỷ đồng của Công ty chế biến mùn cao su Đức Tính (từ Thành phố Tây Ninh chuyển đến từ tháng 2/2020) đã giúp cho nguồn thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh luôn ổn định và đảm bảo được tiến độ dự toán bình quân.

Công tác đôn đốc kê khai, nộp thuế được Chi cục Thuế triển khai quyết liệt, các biện pháp xử lý thu hồi nợ thuế được tăng cường, số thuế phát sinh theo kê khai của doanh nghiệp (trừ số thuế được gia hạn) hàng tháng, quý đều nộp đủ vào NSNN, không để nợ mới phát sinh.

Các hoạt động kiểm tra khai thác các khoản thu từ đất được UBND huyện quan tâm đẩy mạnh ngay từ đầu năm, kết quả thực hiện 10 tháng đầu năm tiền sử dụng đất vượt rất cao, ước năm 2020 vượt 224,67% so với dự toán, góp phần cho kết quả thu NSNN năm 2020 của huyện đạt kết quả khá tốt, ước thu NSNN năm 2020 hoàn thành vượt 28,71% so với dự toán đã giao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần quan tâm khắc phục tốt hơn trong thời gian tới, đó là:

Còn 01/04 đơn vị huyện, 02/10 xã, thị trấn ước thực hiện không đạt dự toán, gồm: Công an huyện và 02 xã Thạnh Tây, Tân Bình.

Còn 3 khoản ước thu không đạt dự toán, trong đó có 2 khoản thu đạt thấp (thu lệ phí trước bạ và thu phí, lệ phí, phí môn bài), trong đó thu lệ phí trước bạ đạt thấp nhất (ước đạt 60,61% so với dự toán), nguyên nhân đạt thấp là do ảnh hưởng chung của dịch Covid-19 tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế địa phương, nhu cầu mua sắm tài sản (xe ô tô, mô tô...) trong nhân dân giảm mạnh làm cho nguồn thu lệ phí trước bạ xe ô tô, mô tô bị hụt giảm sâu so dự toán.

Tình hình nợ thuế tuy đã khống chế được nợ mới phát sinh, nhưng tỷ lệ nợ thuế so với dự toán vẫn còn ở mức cao, so với thời điểm ngày 31/12/2019 tăng 5.854 triệu đồng. Nguyên nhân là do nhóm nợ khó thu quá lớn, nợ gốc không thu được, tiền chậm nộp vẫn tính hàng tháng trên 500 triệu đồng, dẫn đến nợ thuế tăng. Tổng số nợ thuế tạm tính đến ngày 31/10/2020 là 135.400 triệu đồng (thuế GTGT 58.713 triệu đồng, thuế TNDN 2.419 triệu đồng, các loại thuế khác 2.193 triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 72.075 triệu đồng). Trong đó: Nợ có khả năng thu 4.582 triệu đồng; nợ khó thu 130.818 triệu đồng (Nợ khó thu do chủ doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh là 33.246 triệu đồng, do doanh nghiệp đang chờ giải thể là 1.451 triệu đồng, do chủ doanh nghiệp chết là 11 triệu đồng, do doanh nghiệp không khả năng thanh toán là 96.110 triệu đồng).

Tuy số thu tính theo chỉ tiêu huyện đạt được những kết quả khả quan nhưng thu cân đối ngân sách gặp nhiều khó khăn do số tình thu điều tiết cho huyện ước năm 2020 chỉ đạt 60,00% kế hoạch, hụt thu theo tiến độ 25.200 triệu đồng, nguồn tăng thu của huyện cơ bản bù đắp được số hụt thu này.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Số chi ngân sách nhà nước tăng cao so với cùng kỳ là do thực hiện một số

nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 và một số nhiệm vụ tinh bổ sung trong năm.

Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2020 của các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn, số tiền 1.170 triệu đồng.

3. Về cân đối ngân sách

Nhìn chung, từ nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thu bổ sung từ ngân sách của tỉnh, địa phương đã cơ bản đảm bảo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo nhiệm vụ dự toán được giao, phục vụ tốt hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, các cơ quan đảng, đoàn thể, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021; căn cứ cơ chế chính sách nhà nước hiện hành. UBND huyện xây dựng dự toán NSNN năm 2021 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 là 164.500 triệu đồng, tăng 16,34% so dự toán năm 2020, giảm 9,62% so với ước thực hiện năm 2020.

II. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021: 372.851 triệu đồng, tăng 3,09% so dự toán năm 2020, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 45.520 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 317.730 triệu đồng
- Chi dự phòng: 7.070 triệu đồng
- Chi tạo nguồn CCTL: 2.531 triệu đồng

III. Cân đối ngân sách địa phương:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Tổng thu cân đối NSDP: | 372.851 triệu đồng. |
| - Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết: | 208.540 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung từ tỉnh: | 161.140 triệu đồng. |
| - Chuyển nguồn CCTL để thực hiện lương mới | 3.171 triệu đồng. |

| | |
|--------------------------|---------------------|
| 2. Tổng chi NSDP: | 372.851 triệu đồng. |
| - Chi đầu tư phát triển: | 45.520 triệu đồng. |
| - Chi thường xuyên: | 317.730 triệu đồng. |
| - Chi dự phòng: | 7.070 triệu đồng. |
| - Chi tạo nguồn CCTL: | 2.531 triệu đồng. |

IV. Giải pháp thực hiện:

a. Về thu ngân sách:

Các ngành, các cấp phải triển khai nhiệm vụ thu ngay từ đầu năm, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, trong đó, tiếp tục thực hiện tốt chế độ, chính sách thu được ban hành sửa đổi, bổ sung đã có hiệu lực thi hành và các chế độ, chính sách thu có hiệu lực từ năm 2021, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi trốn, lậu thuế, bảo vệ thị trường và người tiêu dùng; các hoạt động thu phạt vi phạm hành chính; chủ động khai thác các khoản thu từ đất, các khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản. Tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc, thu hút đầu tư, tăng thêm năng lực sản xuất mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu vững chắc, lâu dài cho ngân sách nhà nước.

Các xã, thị trấn tiếp tục phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn thuế, các đội thuế liên xã, thị trấn tập trung kiểm tra, rà soát nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, kịp thời đưa vào bộ quản lý thu đối với hộ mới ra kinh doanh, điều chỉnh doanh thu sát thực tế đối với hộ tăng quy mô, bổ sung ngành nghề kinh doanh mới; tăng cường phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn ủy nhiệm thu thực hiện tốt việc thu các khoản thuế đã ủy nhiệm thu trên địa bàn bao gồm các khoản thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế sử dụng đất nông nghiệp còn nợ từ năm 2016 về trước chuyển sang. Tập trung đôn đốc thu dứt điểm số lệ phí môn bài lập bộ, phân đấu hoàn thành chỉ tiêu được giao; Tiếp tục kiểm tra chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, ăn uống và dịch vụ trên địa bàn.

Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách; Thu dứt điểm các khoản truy thu, phạt thuế theo kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ thuế, thực hiện cưỡng chế nợ thuế đúng trình tự và thủ tục quy định.

Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách; đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, từng khu vực thu, từng sắc thuế và có phương án thu kịp thời, dự báo thu hàng tháng, hàng quý sát đúng với thực tế phát sinh. Xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả. Ngành quản lý thu, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách; Thường xuyên kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế, kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế nhằm rút ngắn đến mức thấp nhất thời gian tuân thủ thuế, tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách ưu đãi về thuế, nhằm tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, người nộp thuế được hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện quyền và trách nhiệm đối với nhà nước.

b. Về chi ngân sách

Các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện và giải ngân kinh phí được giao kịp thời theo quy định; cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với khối lượng đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

Chỉ đạo các cơ quan đơn vị liên quan phối hợp với Phòng Tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch vốn được giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bố trí kinh phí mua sắm chặt chẽ, đúng quy định; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên theo quy định, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Xử lý kịp thời, đầy đủ

những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình ước thực hiện nhiệm ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của UBND huyện Tân Biên.

Nơi nhận:

- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- ĐBHDND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu.




Đoàn Thị Minh Thanh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng



| STT | Nội dung | Dự toán năm 2020 | ƯTH năm 2020 | Dự toán năm 2021 | So sánh (1) (%) |
|------------|--|------------------|----------------|------------------|-----------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN | 361.681 | 590.456 | 372.851 | 63,15 |
| I | Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp | 199.400 | 215.800 | 208.540 | 96,64 |
| - | Thu ngân sách huyện hưởng 100% | 26.500 | 66.780 | 37.460 | 56,09 |
| - | Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia | 172.900 | 149.020 | 171.080 | 114,80 |
| II | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 160.710 | 271.774 | 164.311 | 60,46 |
| - | Thu bổ sung cân đối | 146.210 | 146.210 | 148.181 | 101,35 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 14.500 | 125.564 | 16.130 | 12,85 |
| III | Thu kết dư | - | 19.723 | - | |
| IV | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | 1.571 | 83.159 | | - |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 361.681 | 590.456 | 372.851 | 103,09 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách huyện | 347.181 | 411.793 | 356.721 | 102,75 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 36.970 | 106.065 | 45.820 | 123,94 |
| 2 | Chi thường xuyên | 302.210 | 297.727 | 301.300 | 99,70 |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 6.910 | 6.910 | 7.070 | 102,32 |
| 4 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | 1.091 | 1.091 | 2.531 | |
| II | Chi các chương trình mục tiêu | 14.500 | 125.564 | 16.130 | 111,24 |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | - | 20.219 | - | |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | 14.500 | 105.345 | 16.130 | 111,24 |
| III | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | 53.099 | | |

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2020 | Ước thực hiện năm 2020 | Dự toán năm 2021 | So sánh (1) (%) |
|-----------|--|------------------|------------------------|------------------|-----------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| A | NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN | | | | |
| I | Nguồn thu ngân sách | 328.721 | 542.550 | 337.051 | 62,12 |
| 1 | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp | 168.011 | 182.144 | 174.580 | 95,85 |
| 2 | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 160.710 | 271.774 | 161.140 | 59,29 |
| - | Thu bổ sung cân đối | 146.210 | 146.210 | 145.010 | 99,18 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 14.500 | 125.564 | 16.130 | 12,85 |
| 3 | Thu kết dư | | 16.300 | | |
| 4 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 72.332 | 1.331 | 1,84 |
| II | Chi ngân sách | 328.721 | 542.550 | 337.051 | 102,53 |
| 1 | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện | 289.605 | 457.387 | 298.249 | 102,98 |
| 2 | Chi bổ sung cho ngân sách xã | 39.116 | 47.009 | 38.802 | 99,20 |
| - | Chi bổ sung cân đối | | 36.905 | 35.390 | 95,89 |
| - | Chi bổ sung có mục tiêu | | 10.104 | 3.412 | 154,32 |
| 3 | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | 38.154 | | |
| B | NGÂN SÁCH XÃ | | | | |
| I | Nguồn thu ngân sách | 72.076 | 94.916 | 74.602 | 78,60 |
| 1 | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp | 31.389 | 33.656 | 33.960 | 100,90 |
| 2 | Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện | 39.116 | 47.009 | 38.802 | 82,54 |
| - | Thu bổ sung cân đối | 36.905 | 36.905 | 35.390 | 95,89 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 2.211 | 10.104 | 3.412 | 33,77 |
| 3 | Thu kết dư | | 3.423 | | |
| 4 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | 1.571 | 10.827 | 1.840 | |
| II | Chi ngân sách | 72.076 | 94.916 | 74.602 | 103,50 |

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Ước thực hiện năm 2020 | | Dự toán năm 2021 | | So sánh (%) | |
|-----------|---|------------------------|----------------|------------------|----------------|---------------|--------------|
| | | Tổng thu NSNN | Thu NS huyện | Tổng thu NSNN | Thu NS huyện | Tổng thu NSNN | Thu NS huyện |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | TỔNG THU NSNN | 182.000 | 182.000 | 164.500 | 164.500 | 90,38 | 90,38 |
| I | Thu nội địa | 182.000 | 182.000 | 164.500 | 164.500 | 90,38 | 90,38 |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý | | | | | | |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý | | | | | | |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 96.872 | 96.872 | 87.300 | 87.300 | 90,12 | 90,12 |
| - | Thuế giá trị gia tăng | 89.980 | 89.980 | 79.350 | 79.350 | 88,19 | 88,19 |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.800 | 3.800 | 4.800 | 4.800 | 126,32 | 126,32 |
| - | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 192 | 192 | 150 | 150 | 78,13 | 78,13 |
| - | Thuế tài nguyên | 2.900 | 2.900 | 3.000 | 3.000 | 103,45 | 103,45 |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 22.000 | 22.000 | 24.000 | 24.000 | 109,09 | 109,09 |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | | - | | - | | |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 11.000 | 11.000 | 12.500 | 12.500 | 113,64 | 113,64 |
| 8 | Thu phí, lệ phí | 3.550 | 3.550 | 3.300 | 3.300 | 92,96 | 92,96 |
| 9 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | 1.153 | 1.153 | - | - | - | - |
| 10 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 125 | 125 | 200 | 200 | 160,00 | 160,00 |
| 11 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 7.000 | 7.000 | 1.000 | 1.000 | 14,29 | 14,29 |
| 12 | Thu tiền sử dụng đất | 30.000 | 30.000 | 27.000 | 27.000 | 90,00 | 90,00 |
| 13 | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | | | | |
| 14 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | | | | | | |
| 15 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | | | | | | |
| 16 | Thu khác ngân sách | 10.100 | 10.100 | 9.000 | 9.000 | 89,11 | 89,11 |
| 17 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | 200 | 200 | 200 | 200 | 100,00 | 100,00 |
| II | Thu viện trợ | | | | | | |

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Ngân sách huyện | Chia ra | |
|------------|--|-----------------|---------------------|---------------|
| | | | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách xã |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 |
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 372.851 | 298.249 | 74.602 |
| A | CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN | 356.360 | 285.170 | 71.190 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 45.820 | 44.820 | 1.000 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 45.420 | 44.420 | 1.000 |
| | Trong đó chia theo lĩnh vực: | - | | |
| - | <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i> | - | | - |
| - | <i>Chi khoa học và công nghệ</i> | - | - | - |
| | Trong đó chia theo nguồn vốn: | - | | |
| - | <i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i> | <i>18.900</i> | <i>18.900</i> | - |
| - | <i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i> | - | - | - |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | 400 | 400 | - |
| II | Chi thường xuyên | 300.939 | 234.605 | 66.334 |
| | Trong đó: | - | | |
| 1 | <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i> | <i>155.446</i> | <i>155.446</i> | - |
| 2 | <i>Chi khoa học và công nghệ</i> | <i>130</i> | <i>130</i> | - |
| III | Dự phòng ngân sách | 7.070 | 5.745 | 1.325 |
| IV | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | 2.531 | | 2.531 |
| B | CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU | 16.491 | 13.079 | 3.412 |
| I | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | - | - | - |
| II | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | 16.491 | 13.079 | 3.412 |
| | Hỗ trợ kinh phí phát triển đô thị | 2.000 | 2.000 | |
| | Hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường | 700 | 140 | 560 |
| | Kinh phí hoạt động Trung tâm giáo dục Thường xuyên (Bao gồm kinh phí đào tạo nghề phổ thông) | 2.616 | 2.616 | |
| | Hỗ trợ kinh phí phần mềm quản lý các trường học | 1.000 | 1.000 | |
| | Kinh phí hoạt động Ban Thanh tra nhân dân | 30 | | 30 |
| | Kinh phí hỗ trợ đối với UBMTTQVN cấp xã và ban công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh " | 533 | | 533 |
| | Kinh phí hoạt động Trung tâm Phát triển quỹ đất | 785 | 785 | |
| | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù biên giới | 980 | 980 | |

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán |
|------------|--|----------------|
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 337.051 |
| A | CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ | 38.802 |
| B | CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC | 298.249 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| I | Chi đầu tư phát triển | 44.820 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 44.420 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| 1.1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | |
| 1.2 | Chi khoa học và công nghệ | |
| 1.3 | Chi y tế, dân số và gia đình | |
| 1.4 | Chi văn hóa thông tin | |
| 1.5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | |
| 1.6 | Chi thể dục thể thao | |
| 1.7 | Chi bảo vệ môi trường | |
| 1.8 | Chi các hoạt động kinh tế | |
| 1.9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | |
| 1.10 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | 400 |
| II | Chi thường xuyên | 247.684 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 155.446 |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 130 |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 970 |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 1.221 |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 635 |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 588 |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 4.227 |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 34.088 |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 31.223 |
| 10 | Chi bảo đảm xã hội | 10.254 |
| III | Dự phòng ngân sách | 5.745 |
| IV | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | - |
| C | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU | - |

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)


Đơn vị: Triệu đồng

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA) | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA) | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU |
|------------|---|----------------|---|--|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|---|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | TỔNG SỐ | 337.051 | 44.820 | 286.483 | 5.745 | - | - | - | - | - |
| I | CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC | 212.160 | - | 212.160 | - | - | - | - | - | - |
| 1 | Huyện ủy | 9.429 | | 9.429 | | | | | | |
| 2 | Văn phòng HĐND - UBND | 6.855 | | 6.855 | | | | | | |
| 3 | Phòng Nông nghiệp - PTNT | 779 | | 779 | | | | | | |
| 4 | Phòng Tư pháp | 688 | | 688 | | | | | | |
| 5 | Phòng Kinh tế - Hạ tầng | 10.412 | | 10.412 | | | | | | |
| 6 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1.290 | | 1.290 | | | | | | |
| 7 | Phòng Giáo dục - Đào tạo | 151.681 | | 151.681 | | | | | | |
| 8 | Phòng Y tế | 428 | | 428 | | | | | | |
| 9 | Phòng Lao động - TBXH | 10.522 | | 10.522 | | | | | | |
| 10 | Phòng Văn hóa - Thông tin | 649 | | 649 | | | | | | |
| 11 | Phòng Tài nguyên - Môi trường | 1.303 | | 1.303 | | | | | | |
| 12 | Phòng Nội vụ | 2.099 | | 2.099 | | | | | | |
| 13 | Thanh tra huyện | 752 | | 752 | | | | | | |
| 14 | Hội Chữ thập đỏ | 301 | | 301 | | | | | | |
| 15 | Hội Đông y | 193 | | 193 | | | | | | |
| 16 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc | 1.047 | | 1.047 | | | | | | |
| 17 | Huyện Đoàn | 1.435 | | 1.435 | | | | | | |
| 18 | Hội Phụ nữ | 653 | | 653 | | | | | | |
| 19 | Hội Nông dân | 573 | | 573 | | | | | | |
| 20 | Hội Cựu chiến binh | 395 | | 395 | | | | | | |
| 21 | Trung tâm GDNN-GDTX | 2.444 | | 2.444 | | | | | | |
| 22 | Trung tâm văn hoá, thể thao và truyền thanh | 1.957 | | 1.957 | | | | | | |
| 23 | Trung tâm Phát triển quỹ đất | 805 | | 805 | | | | | | |
| 24 | Công an huyện | 2.000 | | 2.000 | | | | | | |
| 25 | Huyện đội | 3.470 | | 3.470 | | | | | | |
| II | NGUỒN CHƯA PHÂN BÒ | | 44.820 | 35.521 | | | | | | |
| III | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | 5.745 | | | 5.745 | | | | | |
| IV | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | - | | | | - | | | | |
| V | CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ | 38.802 | | 38.802 | | | | | | |
| VI | CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU | - | | - | | | | | | |

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

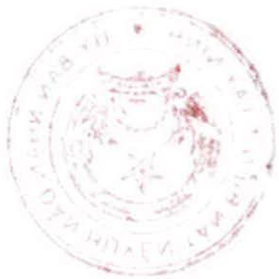
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng



| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | TRONG ĐÓ: | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------------|----------------|------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|--|----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------|---|--|--------------------|
| | | | CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ | CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH | CHI VĂN HÓA THÔNG TIN | CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN | CHI THỂ DỤC THỂ THAO | CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ | TRONG ĐÓ | | CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ | CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI |
| | | | | | | | | | | | CHI GIAO THÔNG | CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | TỔNG SỐ | 205.758 | 153.369 | 130 | 970 | 1.221 | 635 | 488 | 3.927 | 7.177 | 720 | 137 | 29.587 | 8.254 |
| 1 | Huyện ủy | 9.429 | 950 | | | | | | | | | | 8.479 | |
| 2 | Văn phòng HĐND - UBND | 6.423 | | 12 | | | | | | | | | 6.360 | 51 |
| 3 | Phòng Nông nghiệp - PTNT | 779 | | | | | | | | 137 | | 137 | 642 | |
| 4 | Phòng Tư pháp | 688 | | | | | | | | | | | 688 | |
| 5 | Phòng Kinh tế - Hạ tầng | 10.412 | | 118 | | | | | 3.627 | 5.755 | 220 | | 912 | |
| 6 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1.290 | | | | | | | | | | | 1.290 | |
| 7 | Phòng Giáo dục - Đào tạo | 151.681 | 150.002 | | | | | | | | | | 1.679 | |
| 8 | Phòng Y tế | 428 | | | | | | | | | | | 428 | |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | TRONG ĐÓ: | | | | | | | | | | | |
|-----|---|---------|--|---------------------------------------|--|-----------------------------------|--|----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------|---|--|-----------------------------|
| | | | CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ | CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH | CHI VĂN HÓA THÔNG TIN | CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN | CHI THỂ DỤC THỂ THAO | CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ | TRONG ĐÓ | | CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THÈ | CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI |
| | | | | | | | | | | | CHI GIAO THÔNG | CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 22 | Trung tâm văn hoá, thể thao và truyền thanh | 1.957 | | | | 805 | 635 | 488 | | | | | 29 | |
| 23 | Trung tâm phát triển quỹ đất | 812 | | | | | | | | 785 | | | 27 | |
| 24 | Công an huyện | 500 | | | | | | | | 500 | 500 | | | |



DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng



| STT | Tên đơn vị | Tổng thu NSNN trên địa bàn | Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp | | | Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện | Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | Số bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ được giao | Bổ sung thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn | Tổng chi cân đối ngân sách xã |
|-----|----------------|----------------------------|---|-----------------------------|---|---|---|---|---|--|-------------------------------|
| | | | Tổng số | Chia ra | | | | | | | |
| | | | | Thu ngân sách xã hưởng 100% | Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia | | | | | | |
| A | B | 1 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | TỔNG SỐ | 12.300 | 33.960 | 9.100 | 24.860 | 28.868 | 3.805 | 1.840 | 3.412 | 2.717 | 74.602 |
| 1 | Trà Vong | 790 | 1.582 | 654 | 928 | 3.992 | 374 | 0 | 171 | | 6.034 |
| 2 | Mỏ Công | 1.440 | 1.786 | 1.096 | 690 | 4.131 | 642 | 0 | 493 | 247 | 7.302 |
| 2 | Tân Phong | 850 | 8.522 | 706 | 7.816 | 677 | | 0 | 383 | | 9.466 |
| 3 | Hòa Hiệp | 530 | 4.200 | 410 | 3.790 | 2.230 | | 684 | 441 | | 7.498 |
| 3 | Thị trấn | 4.710 | 6.172 | 3.150 | 3.022 | 975 | 376 | 108 | 255 | 957 | 8.843 |
| 4 | Thạnh Tây | 1.064 | 1.988 | 808 | 1.180 | 2.768 | 708 | 40 | 245 | 734 | 6.483 |
| 4 | Tân Bình | 330 | 1.194 | 262 | 932 | 5.344 | 404 | 192 | 354 | 209 | 7.697 |
| 5 | Tân Lập | 1.410 | 2.464 | 1.058 | 1.406 | 3.852 | 642 | 220 | 447 | 570 | 8.573 |
| 5 | Thạnh Bình | 990 | 4.924 | 806 | 4.118 | 1.292 | 390 | 489 | 523 | | 7.585 |
| 6 | Thạnh Bắc | 186 | 1.128 | 150 | 978 | 3.607 | 269 | 107 | 100 | | 5.121 |

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tên đơn vị | Tổng số | Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ | Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia |
|-----|----------------|--------------|---|---|--|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | TỔNG SỐ | 3.412 | | 3.412 | |
| 1 | Trà Vong | 171 | | 171 | |
| 2 | Mỏ Công | 493 | | 493 | |
| 3 | Tân Phong | 383 | | 383 | |
| 4 | Hòa Hiệp | 441 | | 441 | |
| 5 | Thị trấn | 255 | | 255 | |
| 6 | Thạnh Tây | 245 | | 245 | |
| 7 | Tân Bình | 354 | | 354 | |
| 8 | Tân Lập | 447 | | 447 | |
| 9 | Thạnh Bình | 523 | | 523 | |
| 10 | Thạnh Bắc | 100 | | 100 | |

